

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 210/2022/DS-ST

Ngày: 25-7-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Nguyễn Thị Linh.

Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị K, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Phan Thị N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bà Phan Thị K là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị N.

2. Bị đơn: Đỗ Ngọc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà K xin vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Phan Thị K và đại diện ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị N là bà Phan Thị K trình bày:

Vào ngày 19/5/2019 chị T có vay của bà và bà Phan Thị N số tiền 70.000.000 đồng, trong đó của bà N 50.000.000 đồng, của bà 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa

thuận 1,6%/tháng, hạn 05 tháng trả tiền. Chị T có trả lãi được 05 tháng, đến hạn trả vốn nhưng không có tiền trả nên xin nợ lại và chị T có đóng lãi đến tháng 01/2020 thì ngưng không trả khoản vốn và lãi nào nữa. Bà và bà N đã nhiều lần yêu cầu chị T trả tiền trên nhưng chị T không trả.

Nay bà Phan Thị N yêu cầu chị Đỗ Ngọc T trả cho bà N số tiền 50.000.000 đồng, bà yêu cầu chị Đỗ Ngọc T trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,67%/tháng từ tháng 02/2020 đến ngày Tòa án xét xử tạm tính đến tháng 3/2022 là 28.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án chị T có trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng của bà Phan Thị N. Nay bà xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền 20.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi số tiền 70.000.000 đồng.

Bị đơn chị Đỗ Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phan Thị K và bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu chị Đỗ Ngọc T trả số tiền là 70.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Đỗ Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà K và chị T.

[3] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu:

[3.1] Bà Phan Thị K có đơn rút yêu cầu khởi kiện số tiền 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà K rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3.2] Bà Phan Thị N, bà Phan Thị K có đơn rút yêu cầu tính lãi số tiền 70.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N và bà K rút một phần yêu

cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N yêu cầu chị Đỗ Ngọc T trả số tiền 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Ngày 15/12/2019 âm lịch chị T có vay của bà N và bà K số tiền 70.000.000 đồng, trong đó bà K số tiền 20.000.000 đồng và bà N số tiền 50.000.000 đồng, hẹn 05 tháng trả tiền nhưng chị T chưa trả nên bà N, bà K khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà N, bà K đã cung cấp cho Tòa án biên nhận do chị T viết và ký tên. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ kiện chị T đã trả cho bà K số tiền 20.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng của bà N chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Phía chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy chị T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị T còn nợ bà N số tiền 50.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 50.000.000 đồng.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu chị T trả tiền lãi.

[4.3] Về thời gian trả tiền: Bà N yêu cầu chị T trả cho bà N số tiền 50.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của bà N làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị T trả cho bà N số tiền 50.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được Tòa án chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị K đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Phan Thị N và bà Phan Thị K đối với số tiền 70.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

Buộc chị Đỗ Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phan Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Đỗ Ngọc T không trả số tiền trên thì hàng tháng chị T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Đỗ Ngọc T phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phan Thị N và Phan Thị K 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006060 ngày 17/3/2022 và 759.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006169 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân